

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/11/2018  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Tống Thị Điệp  
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nữ Hoàng Yến- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.**

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 702/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/8/2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 25/10/2018 giữa các đương sự:

**\*/ Nguyên đơn:** Chị Trần Thị M1, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

**\*/ Bị đơn:** Anh Phạm Văn M2, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Trần Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn M2 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên hay cãi vã, anh M2 không còn quan tâm đến chị và con. Hiện nay giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau, chị không còn tình cảm gì với anh M2 nữa nên mong muốn được ly hôn với anh M2 để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh M2 có 01 con chung là cháu Phạm Hoài V, sinh ngày 24/3/2016, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi con và khi ly hôn có nguyện vọng xin nuôi con chung và không yêu cầu anh M2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Phạm Văn M2 nhưng anh M2 không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã đi xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh M2 và chị M1 cư trú thì chính quyền địa phương cho biết chị M1 và anh M2 sau khi cưới được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau nhưng anh M2 vẫn thường xuyên về thăm con.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút, bổ sung, thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện mà vẫn giữ nguyên yêu cầu và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Chị Trần Thị M1 yêu cầu xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Phạm Văn M2, nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Ly hôn và nuôi con”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh M2 cư trú thì chính quyền địa phương cho biết anh M2 đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về thăm con. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Phạm Văn M2 tại nơi cư trú nhưng anh M2 không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ hai chị M1 cũng không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M1 và anh Phạm Văn M2 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân chị M1 và anh M2 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M2 và chị M1 bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên hay cãi vã, hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh M2 nữa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết vợ chồng anh M2 và chị M1 sống chung có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M1 và anh M2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M1 là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

## **Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên**

*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*

.....  
Về con chung: Giữa chị M1 và anh M2 có 01 con chung là cháu Phạm Hoài V, sinh ngày 24/3/2016, hiện nay cháu V dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cháu cho chị M1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Thị M1

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M1 được ly hôn với anh Phạm Văn M2.

Về con chung: Giao cháu Phạm Hoài V, sinh ngày 24/3/2016 cho Chị Trần Thị M1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn Chị Trần Thị M1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng

đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007875 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS Tp. BMT;
- UBND xã Hòa phú; Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã Ký)*

**Lê Thị Mai**